VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

VĂN BẢN HỢP NHẤT - BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 20 tháng 10 năm 2020

THÔNG TƯ
Quy định nội dung, chương trình đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa

Thông tư số 03/2017/TT-BGTVT ngày 20 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định nội dung, chương trình đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2017, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 06/2020/TT-BGTVT ngày 09 tháng 3 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2017/TT-BGTVT ngày 20 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định nội dung, chương trình đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2020.

Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 17 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp ngày 27 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 78/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa;

Căn cứ Nghị định số 107/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ và Cục trưởng Cục Đường thủy nội địa Việt Nam;

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư quy định nội dung, chương trình đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa.[1]

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về nội dung, chương trình đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Thông tư này áp dụng đối với các cơ sở kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa (sau đây viết tắt là cơ sở đào tạo) và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa tại Việt Nam.

2. Thông tư này không áp dụng đối với hoạt động đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa của lực lượng quân đội, công an làm nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.

---

[1] Thông tư số 06/2020/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2017/TT-BGTVT ngày 20 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định nội dung, chương trình đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 17 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp ngày 27 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 78/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa;

Căn cứ Nghị định số 12/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ An toàn giao thông và Cục trưởng Cục Đường thủy nội địa Việt Nam;

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2017/TT-BGTVT ngày 20 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định nội dung, chương trình đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa."

Chương II
QUY ĐỊNH VỀ NỘI DUNG, CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THUYỀN VIÊN, NGƯỜI LÁI PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA

Điều 3. Chương trình đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa[2]

1. Chương trình đào tạo cấp chứng chỉ thủy thủ quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Chương trình đào tạo cấp chứng chỉ thợ máy quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Chương trình đào tạo cấp chứng chỉ lái phương tiện quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 4. Chương trình bồi dưỡng nâng hạng giấy chứng nhận khả năng chuyên môn (GCNKNCM) thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa

1. Chương trình bồi dưỡng cấp GCNKNCM thuyền trưởng hạng tư quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Chương trình bồi dưỡng nâng hạng GCNKNCM thuyền trưởng hạng ba quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Chương trình bồi dưỡng nâng hạng GCNKNCM thuyền trưởng hạng nhì quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Chương trình bồi dưỡng nâng hạng GCNKNCM thuyền trưởng hạng nhất quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư này.

5. Chương trình bồi dưỡng cấp GCNKNCM máy trưởng hạng ba quy định tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư này.

6. Chương trình bồi dưỡng nâng hạng GCNKNCM máy trưởng hạng nhì quy định tại Phụ lục IX ban hành kèm theo Thông tư này.

7. Chương trình bồi dưỡng nâng hạng GCNKNCM máy trưởng hạng nhất quy định tại Phụ lục X ban hành kèm theo Thông tư này.

---

[2] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 06/2020/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2017/TT-BGTVT ngày 20 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định nội dung, chương trình đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2020.

Điều 5. Chương trình bồi dưỡng cấp chứng chỉ chuyên môn thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa[3]

1. Chương trình bồi dưỡng cấp chứng chỉ điều khiển phương tiện cao tốc quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Chương trình bồi dưỡng cấp chứng chỉ điều khiển phương tiện đi ven biển quy định tại Phụ lục XII ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Chương trình bồi dưỡng cấp chứng chỉ an toàn làm việc trên phương tiện đi ven biển quy định tại Phụ lục XIII ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Chương trình bồi dưỡng cấp chứng chỉ an toàn làm việc trên phương tiện chở xăng dầu quy định tại Phụ lục XIV ban hành kèm theo Thông tư này.

5. Chương trình bồi dưỡng cấp chứng chỉ an toàn làm việc trên phương tiện chở hóa chất quy định tại Phụ lục XV ban hành kèm theo Thông tư này.

6. Chương trình bồi dưỡng cấp chứng chỉ an toàn làm việc trên phương tiện chở khí hóa lỏng quy định tại Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư này.

7. Chương trình bồi dưỡng cấp giấy chứng nhận học tập pháp luật giao thông đường thủy nội địa quy định tại Phụ lục XVII ban hành kèm theo Thông tư này."

Chương III
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 6. Trách nhiệm thi hành

1. Cục trưởng Cục Đường thủy nội địa Việt Nam:

a) Tổ chức thực hiện Thông tư này; kiểm tra về công tác đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ sở đào tạo tổ chức biên soạn và công bố ngân hàng câu hỏi thi, kiểm tra và đáp án làm tài liệu thi, kiểm tra chính thức thống nhất trên toàn quốc.

2. Giám đốc Sở Giao thông vận tải tổ chức thực hiện Thông tư này trong phạm vi trách nhiệm; thực hiện chế độ báo cáo theo quy định.

---

[3] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 06/2020/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2017/TT-BGTVT ngày 20 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định nội dung, chương trình đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2020.

3. Người đứng đầu cơ sở đào tạo:

a) Thực hiện chế độ báo cáo và chịu sự kiểm tra, giám sát, hướng dẫn về nghiệp vụ của Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Sở Giao thông vận tải và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

b) Tổ chức biên soạn và duyệt giáo trình hoặc lựa chọn giáo trình phù hợp làm tài liệu giảng dạy, học tập chính thức.

Điều 7. Hiệu lực thi hành[4]

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2017.

2. Thay thế Thông tư số 57/2014/TT-BGTVT ngày 24 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về cơ sở vật chất, kỹ thuật của cơ sở dạy nghề và chương trình đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa.

Điều 8. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Giám đốc Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Số: 08/VBHN-BGTVT

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 20 tháng 10 năm 2020

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Văn Thể

---

[4] Điều 2 và Điều 3 của Thông tư số 06/2020/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2017/TT-BGTVT ngày 20 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định nội dung, chương trình đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2020 quy định như sau:

"Điều 2. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2020.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Thủ trưởng cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./."

Phụ lục I[5]

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CẤP CHỨNG CHỈ THỦY THỦ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2017/TT-BGTVT ngày 20 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CẤP CHỨNG CHỈ THỦY THỦ

Tên nghề: Thủy thủ phương tiện thủy nội địa
Số lượng môn học, mô đun đào tạo: 07
Chứng chỉ cấp sau tốt nghiệp: Chứng chỉ thủy thủ

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1. Kiến thức

Có kiến thức về an toàn cơ bản và bảo vệ môi trường; hiểu các quy định cơ bản của pháp luật về giao thông đường thủy nội địa; hiểu nguyên lý điều khiển phương tiện thủy; biết các tuyến đường thủy nội địa ở khu vực; hiểu các quy định về bảo quản và xếp dỡ hàng hóa, đưa đón hành khách, bảo đảm an toàn cho hàng hóa và hành khách trong quá trình vận chuyển; hiểu kiến thức cơ bản về bảo quản, bảo dưỡng, sửa chữa phương tiện.

2. Kỹ năng

Làm thành thạo các nút dây, các mối dây và thực hiện tốt các thao tác làm dây trên phương tiện; sử dụng thành thạo các trang thiết bị cứu hỏa, cứu thủng, cứu sinh; các dụng cụ gõ gỉ, dụng cụ sơn trên phương tiện; thành thạo khi chèo xuồng, đo nước, đệm va, cảnh giới; ghép được các đoàn lai theo yêu cầu của thuyền trưởng; điều khiển được phương tiện ở những đoạn luồng dễ đi dưới sự giám sát của thuyền trưởng, thuyền phó.

3. Thái độ, đạo đức nghề nghiệp

Có ý thức rèn luyện để nâng cao trình độ nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu phát triển của ngành đường thủy nội địa; yêu nghề, có ý thức cộng đồng và tác phong công

[5] Phụ lục này được thay thế theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 1 của Thông tư số 06/2020/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2017/TT-BGTVT ngày 20 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định nội dung, chương trình đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2020.

nghiệp, có thói quen lao động nghề nghiệp, sống lành mạnh phù hợp với phong tục, tập quán và truyền thống văn hóa dân tộc.

II. THỜI GIAN VÀ PHÂN BỔ THỜI GIAN CỦA KHÓA HỌC

Thời gian của khóa học: 295 giờ, bao gồm:

1. Thời gian các hoạt động chung: không.

2. Thời gian học tập: 295 giờ, trong đó:

a) Thời gian thực học: 280 giờ.

b) Thời gian ôn, kiểm tra kết thúc khóa học: 15 giờ.

III. DANH MỤC MÔN HỌC (MH), MÔ ĐUN (MĐ) VÀ THỜI GIAN ĐÀO TẠO

Mã MH, MĐ	**Tên môn học, mô đun**	**Thời gian đào tạo (giờ)**
MĐ 01	An toàn cơ bản và bảo vệ môi trường	60
MH 02	Pháp luật về giao thông đường thủy nội địa	30
MĐ 03	Luồng chạy tàu thuyền	15
MĐ 04	Điều động phương tiện và thực hành điều động phương tiện	60
MĐ 05	Thủy nghiệp cơ bản	85
MH 06	Vận tải hàng hóa và hành khách	15
MĐ 07	Bảo dưỡng phương tiện	15
	Tổng cộng	**280**

IV. KIỂM TRA KẾT THÚC KHÓA HỌC

1. Kiểm tra kết thúc môn học, mô đun:

Người học phải học đầy đủ nội dung theo yêu cầu chương trình các môn học, mô đun quy định. Nội dung, hình thức và điều kiện kiểm tra khi kết thúc môn học, mô đun do người đứng đầu cơ sở đào tạo quyết định. Kết quả kiểm tra được đánh giá theo một trong hai mức là đạt yêu cầu và không đạt yêu cầu.

2. Kiểm tra kết thúc khóa học:

STT	Môn kiểm tra	Hình thức kiểm tra
1	Lý thuyết tổng hợp	Trắc nghiệm
2	Thủy nghiệp cơ bản	Thực hành

V. CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC, MÔ ĐUN

1. Tên mô đun: **AN TOÀN CƠ BẢN VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

a) Mã số: MĐ 01.

b) Thời gian: 60 giờ.

c) Mục tiêu: Giúp người học hiểu nội dung cơ bản các quy định về an toàn và bảo vệ môi trường nói chung và môi trường đường thủy nội địa; hiểu và thực hiện tốt các kỹ thuật an toàn khi làm việc trên phương tiện; làm được các công việc về ứng phó sự cố tràn dầu, ô nhiễm dầu, hóa chất, phòng chống cháy nổ, cứu sinh, cứu thủng; biết sơ, cấp cứu người bị nạn, biết bơi thành thạo, biết xử lý các tình huống xảy ra khi bơi.

d) Nội dung:

STT	Nội dung	Thời gian đào tạo (giờ)
1 1.1 1.2	Bài 1: An toàn lao động Những quy định về an toàn lao động An toàn khi thực hiện các công việc trên phương tiện	3
2 2.1 2.2 2.3 2.4 2.5 2.6	Bài 2: Phòng, chống cháy nổ Nguyên nhân cháy nổ và biện pháp phòng chống Các yếu tố gây ra cháy nổ trên phương tiện Các phương pháp chữa cháy Thiết bị chữa cháy trên phương tiện Tổ chức phòng, chữa cháy trên phương tiện Chữa các đám cháy đặc biệt	10

STT	Nội dung	Thời gian đào tạo (giờ)
2.7	Thực hành chữa cháy	
3 3.1 3.2 3.3	Bài 3: An toàn sinh mạng Cứu sinh Cứu đắm Thực hành cứu sinh, cứu đắm	10
4	Bài 4. Sơ cứu	4
4.1 4.2 4.3 4.4	Khái niệm chung và nguyên tắc cơ bản khi sơ cứu ban đầu Kỹ thuật sơ cứu Phương pháp cứu người đuối nước Thực hành	
5 5.1 5.2 5.3	Bài 5. Bảo vệ môi trường Khái niệm cơ bản về môi trường Ảnh hưởng của giao thông vận tải đường thủy nội địa đến môi trường Các loại hàng hóa nguy hiểm - chú ý khi bảo quản, vận chuyển	4
6	Bài 6: Huấn luyện kỹ thuật bơi, lặn	25
6.1	Tác dụng của việc bơi ếch và một số động tác kỹ thuật, phương pháp tập luyện	
6.2	Tác dụng của bơi trườn sấp, kỹ thuật, phương pháp tập luyện	
6.3	Cách xử lý khi bị chuột rút, sặc nước	
6.4	Khởi động trước khi bơi - Thực hành bơi	
Kiểm tra định kỳ, kiểm tra kết thúc mô đun		4
Tổng cộng		**60**

đ) Hướng dẫn thực hiện mô đun:

- Căn cứ vào giáo trình an toàn cơ bản và bảo vệ môi trường, các đầu sách tham khảo đưa ra nội dung các bài học lý thuyết;

- Tổ chức cho người học huấn luyện thực hành ngay trên các bãi tập của nhà trường, các bể bơi và trên các phương tiện huấn luyện.

2. Tên môn học: **PHÁP LUẬT VỀ GIAO THÔNG ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA**

a) Mã số: MH 02.

b) Thời gian: 30 giờ.

c) Mục tiêu: Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về pháp luật giao thông đường thủy nội địa để người học chấp hành đúng luật, góp phần đảm bảo trật tự, an toàn giao thông đường thủy nội địa.

d) Nội dung:

STT	Nội dung	Thời gian đào tạo (giờ)
1 1.1 1.2	Chương I: Những quy định chung Giải thích từ ngữ Các hành vi bị cấm	2
2	Chương II: Quy tắc giao thông và tín hiệu của phương tiện	12
2.1 2.2	Quy tắc giao thông Tín hiệu của phương tiện giao thông đường thủy nội địa	
3 3.1 3.2	Chương III: Quy tắc báo hiệu đường thủy nội địa Những quy định của quy tắc báo hiệu đường thủy nội địa Các loại báo hiệu đường thủy nội địa Việt Nam	10
4 4.1 4.2	Chương IV: Trách nhiệm của thủy thủ và thuyền viên tập sự Trách nhiệm của thủy thủ Trách nhiệm của thuyền viên tập sự	2

STT	Nội dung	Thời gian đào tạo (giờ)
5	Chương V. Giới thiệu các văn bản pháp luật về giao thông đường thủy nội địa và pháp luật hàng hải Việt Nam	3
Kiểm tra kết thúc môn học		1
Tổng cộng		**30**

đ) Hướng dẫn thực hiện môn học:

- Căn cứ vào các văn bản pháp luật về giao thông đường thủy nội địa, pháp luật hàng hải Việt Nam đưa ra nội dung các bài học lý thuyết;

- Tổ chức cho người học thực hành, quan sát mô hình, các báo hiệu trên sa bàn.

3. Tên mô đun: **LUỒNG CHẠY TÀU THUYỀN**

a) Mã số: MĐ 03.

b) Thời gian: 15 giờ.

c) Mục tiêu: Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về đặc điểm, tính chất chung của đường thủy nội địa Việt Nam, các thông tin dữ liệu cần thiết về tuyến vận tải chính bằng đường thủy nội địa.

d) Nội dung:

STT	Nội dung	Thời gian đào tạo (giờ)
1 1.1 1.2 1.3	Chương I: Khái quát chung về sông, kênh ở Việt Nam Sông, kênh đối với vận tải đường thủy nội địa Tính chất chung Đặc điểm chung	2
2 2.1 2.2 2.3	Chương II: Các hệ thống sông chính Sông, kênh miền Bắc Sông, kênh miền Trung Sông, kênh miền Nam	12
Kiểm tra kết thúc mô đun		1
Tổng cộng		**15**

đ) Hướng dẫn thực hiện mô đun:

- Căn cứ vào giáo trình luồng chạy tàu thuyền, các bản đồ đường thủy nội địa miền Bắc, miền Trung, miền Nam và các tài liệu tham khảo đưa ra nội dung các bài học lý thuyết;

- Tổ chức cho người học thực hành, quan sát các tuyến luồng trên sa bàn, các tuyến luồng thực tế trên sơ đồ tuyến và trên các phương tiện huấn luyện.

4. Tên mô đun: **ĐIỀU ĐỘNG PHƯƠNG TIỆN VÀ THỰC HÀNH ĐIỀU ĐỘNG PHƯƠNG TIỆN**

a) Mã số: MĐ 04.

b) Thời gian: 60 giờ.

c) Mục tiêu: Cung cấp cho người học những kiến thức và kỹ năng điều động phương tiện tự hành; hiểu và sử dụng thành thạo các thiết bị liên quan đến điều động phương tiện; nguyên lý điều khiển phương tiện.

d) Nội dung:

STT	**Nội dung**	**Thời gian đào tạo (giờ)**
1 1.1 1.2 1.3	Bài 1. Nguyên lý cơ bản về điều động phương tiện thủy Bánh lái Chân vịt Phối hợp chân vịt và bánh lái	2
2 2.1 2.2 2.3	Bài 2. Kiến thức cơ bản về điều động phương tiện thủy Phương tiện tự hành Ghép và buộc dây các đoàn lai Thực hành ghép các loại đoàn lai	24
3 3.1 3.2	Bài 3. Thực hành điều động Điều động phương tiện đi thẳng nước xuôi, nước ngược Điều động phương tiện chuyển hướng luồng phương tiện chạy khi đang đi nước xuôi, nước ngược	30
Kiểm tra định kỳ, kiểm tra kết thúc mô đun		4
Tổng cộng		**60**

đ) Hướng dẫn thực hiện mô đun:

- Căn cứ vào giáo trình điều động phương tiện thủy và các tài liệu tham khảo đưa ra nội dung các bài học lý thuyết;

- Tổ chức cho người học huấn luyện thực hành ngay tại phòng học mô phỏng và trên các phương tiện huấn luyện.

5. Tên mô đun: **THỦY NGHIỆP CƠ BẢN**

a) Mã số: MĐ 05.

b) Thời gian: 85 giờ.

c) Mục tiêu: Trang bị cho người học kiến thức và kỹ năng cơ bản để thực hiện các công việc làm dây, sử dụng và bảo quản các thiết bị trên boong, biết kiểm tra và bảo dưỡng vỏ phương tiện, biết quy trình sử dụng các trang thiết bị hỗ trợ hàng hải.

d) Nội dung:

STT	**Nội dung**	**Thời gian đào tạo (giờ)**
1	Bài 1: Các loại dây trên phương tiện	25
1.1	Phân loại, cấu tạo, sử dụng và bảo quản dây	
1.2	Cỡ dây và cách tính sức bền của dây	
1.3	Các dụng cụ để làm dây	
1.4	Các loại nút dây	
1.5	Cách đấu dây	
1.6	Thực hành cô dây sợi, dây cáp	
2	Bài 2. Ròng rọc, palăng và cách sử dụng	3
2.1	Ròng rọc	
2.2	Palăng	
2.3	Thực hành luồn dây vào palăng	
3	Bài 3. Thiết bị hệ thống lái	12
3.1	Khái niệm	

STT	Nội dung	Thời gian đào tạo (giờ)
3.2 3.3 3.4 3.5 3.6	Hệ thống lái thuận Hệ thống lái nghịch Hệ thống lái thủy lực Hệ thống lái trục cát đăng Thực hành các hệ thống lái	
4 4.1 4.2 4.3 4.4 4.5 4.6 4.7	Bài 4: Thiết bị hệ thống neo Tác dụng và yêu cầu Bố trí hệ thống neo Các loại neo Nỉn neo Hãm neo Máy tời neo Thực hành hệ thống neo	10
5 5.1 5.2 5.3	Bài 5: Bảo quản, bảo dưỡng trang thiết bị trên boong Chế độ bảo quản, bảo dưỡng các trang thiết bị Công tác bảo quản, bảo dưỡng các trang thiết bị Thực hành bảo quản bảo dưỡng	10
6 6.1 6.2 6.3 6.4 6.5	Bài 6: Chèo xuồng Ý nghĩa của chèo xuồng Thành phần của chèo Các phương pháp chèo xuồng Hỗ trợ điều động phương tiện Thực hành chèo một mái, chèo đối xứng, chèo mũi lái	20
Kiểm tra định kỳ, kiểm tra kết thúc mô đun		5
Tổng cộng		**85**

đ) Hướng dẫn thực hiện mô đun:

- Căn cứ vào giáo trình thủy nghiệp cơ bản và các tài liệu tham khảo đưa ra nội dung các bài học lý thuyết;

- Tổ chức cho người học huấn luyện thực hành ngay tại phòng học thủy nghiệp cơ bản, trên các bãi tập của nhà trường và trên các phương tiện huấn luyện.

6. Tên môn học: **VẬN TẢI HÀNG HÓA VÀ HÀNH KHÁCH**

a) Mã số: MH 06.

b) Thời gian: 15 giờ.

c) Mục tiêu: Cung cấp các kiến thức cơ bản về vận chuyển, bảo quản, xếp dỡ, giao nhận hàng hóa; những quy định về vận tải hàng hóa và hành khách, nhằm bảo đảm vận tải an toàn và hiệu quả.

d) Nội dung:

STT	**Nội dung**	**Thời gian đào tạo (giờ)**
1	Chương I: Vị trí, vai trò và đặc điểm của ngành vận tải thủy nội địa	0,5
2 2.1 2.2 2.3	Chương II: Phân loại hàng hóa Phân theo tính chất Phân theo vị trí chất, xếp Phân theo hình thức bên ngoài	1,5
3 3.1 3.2 3.3 3.4 3.5 3.6 3.7	Chương III: Phương pháp bảo quản, xếp dỡ và vận chuyển một số loại hàng hóa Hàng lương thực Hàng muối Hàng đường Hàng phân hóa học Hàng xi măng Hàng than Hàng quặng	7

STT	Nội dung	Thời gian đào tạo (giờ)
3.8	Hàng xăng dầu	
4 4.1 4.2	Chương IV: Quy định về vận tải hàng hóa và hành khách đường thủy nội địa Quy định về vận tải hàng hóa Quy định về vận tải hành khách	5
Kiểm tra kết thúc môn học		1
Tổng cộng		**15**

đ) Hướng dẫn thực hiện môn học:

- Căn cứ vào giáo trình kinh tế vận tải, các quy định về vận tải đường thủy nội địa và các tài liệu tham khảo đưa ra nội dung các bài học lý thuyết;

- Tổ chức cho người học thực hành đo mớn nước, khai thác các bài toán về kinh tế vận tải trong một chuyến đi vòng tròn trên các phương tiện huấn luyện.

7. Tên mô đun: **BẢO DƯỠNG PHƯƠNG TIỆN**

a) Mã số: MĐ 07.

b) Thời gian: 15 giờ.

c) Mục tiêu: Giúp người học có kiến thức và kỹ năng cơ bản để thực hiện các công việc bảo quản, bảo dưỡng vỏ phương tiện.

d) Nội dung:

STT	Nội dung	Thời gian đào tạo (giờ)
1 1.1 1.2 1.3	Bài 1: Chế độ bảo dưỡng vỏ phương tiện Công tác bảo dưỡng hàng ngày Công tác bảo dưỡng hàng tháng Thực hành bảo dưỡng hàng ngày	4
2	Bài 2: Phương pháp bảo quản vỏ phương tiện	10

STT	Nội dung	Thời gian đào tạo (giờ)
2.1	Phân chia phương tiện để bảo quản	
2.2	Sơn và phương pháp sử dụng sơn	
2.3	Đặc điểm và cách sử dụng một số loại sơn vỏ phương tiện	
2.4	Thực hành sơn phương tiện	
Kiểm tra kết thúc mô đun		1
Tổng cộng		**15**

đ) Hướng dẫn thực hiện mô đun:

- Căn cứ vào giáo trình thủy nghiệp cơ bản và các tài liệu tham khảo đưa ra nội dung các bài học lý thuyết;

- Tổ chức cho người học huấn luyện thực hành ngay tại phòng học thủy nghiệp cơ bản, trên các bãi tập của nhà trường và trên các phương tiện huấn luyện.

Phụ lục II[6]

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CẤP CHỨNG CHỈ THỢ MÁY

(Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2017/TT-BGTVT ngày 20 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CẤP CHỨNG CHỈ THỢ MÁY

Tên nghề: Thợ máy phương tiện thủy nội địa
Số lượng môn học, mô đun đào tạo: 07
Chứng chỉ cấp sau tốt nghiệp: Chứng chỉ thợ máy

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1. Kiến thức

Có kiến thức về an toàn cơ bản và bảo vệ môi trường; hiểu các quy định cơ bản của pháp luật giao thông đường thủy nội địa; vận hành thành thạo động cơ tàu thủy, bảo đảm an toàn cho người và phương tiện; kiểm tra và khắc phục được các hư hỏng thông thường trong quá trình vận hành động cơ.

2. Kỹ năng

Vận hành thành thạo động cơ tàu thủy; kiểm tra và khắc phục được các hư hỏng thông thường trong quá trình vận hành động cơ.

3. Thái độ, đạo đức nghề nghiệp

Có ý thức rèn luyện để nâng cao trình độ nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu phát triển của ngành đường thủy nội địa; yêu nghề, có ý thức cộng đồng và tác phong công nghiệp, có thói quen lao động nghề nghiệp, sống lành mạnh phù hợp với phong tục, tập quán và truyền thống văn hóa dân tộc.

II. THỜI GIAN VÀ PHÂN BỔ THỜI GIAN CỦA KHÓA HỌC

Thời gian của khóa học: 295 giờ, bao gồm:

1. Thời gian các hoạt động chung: không.

2. Thời gian học tập: 295 giờ, trong đó:

---

[6]Phụ lục này được thay thế theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 1 của Thông tư số 06/2020/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2017/TT-BGTVT ngày 20 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định nội dung, chương trình đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2020.

a) Thời gian thực học: 280 giờ.

b) Thời gian ôn, kiểm tra kết thúc khóa học: 15 giờ.

III. DANH MỤC MÔN HỌC (MH), MÔ ĐUN (MĐ) VÀ THỜI GIAN ĐÀO TẠO

Mã MH, MĐ	**Tên môn học, mô đun**	**Thời gian đào tạo (giờ)**
MĐ 01	An toàn cơ bản và bảo vệ môi trường	60
MH 02	Pháp luật về giao thông đường thủy nội địa	15
MĐ 03	Máy tàu thủy	60
MĐ 04	Thực hành nguội	15
MĐ 05	Thực hành hàn	15
MĐ 06	Vận hành, sửa chữa điện tàu	30
MĐ 07	Thực hành vận hành máy tàu	85
Tổng cộng		**280**

IV. KIỂM TRA KẾT THÚC KHÓA HỌC

1. Kiểm tra kết thúc môn học, mô đun:

Người học phải học đầy đủ nội dung theo yêu cầu chương trình các môn học, mô đun quy định. Nội dung, hình thức và điều kiện kiểm tra khi kết thúc môn học, mô đun do người đứng đầu cơ sở đào tạo quyết định. Kết quả kiểm tra được đánh giá theo một trong hai mức là đạt yêu cầu và không đạt yêu cầu.

2. Kiểm tra kết thúc khóa học:

STT	**Môn kiểm tra**	**Hình thức kiểm tra**
1	Lý thuyết tổng hợp	Trắc nghiệm

V. CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC, MÔ ĐUN

1. Tên mô đun: **AN TOÀN CƠ BẢN VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

a) Mã số: MĐ 01.

b) Thời gian: 60 giờ.

c) Mục tiêu: Giúp người học hiểu nội dung cơ bản các quy định về an toàn và bảo vệ môi trường nói chung và môi trường đường thủy nội địa; hiểu và thực hiện tốt các kỹ thuật an toàn khi làm việc trên tàu; làm được các công việc về ứng phó sự cố tràn dầu, ô nhiễm dầu, hóa chất, phòng chống cháy nổ, cứu sinh, cứu thủng; biết sơ, cấp cứu người bị nạn, biết bơi thành thạo, biết xử lý các tình huống xảy ra khi bơi.

d) Nội dung:

STT	Nội dung	Thời gian đào tạo (giờ)
1 1.1 1.2	Bài 1: An toàn lao động Những quy định về an toàn lao động An toàn khi thực hiện các công việc trên tàu	3
2 2.1 2.2 2.3 2.4 2.5 2.6 2.7	Bài 2: Phòng, chống cháy nổ Nguyên nhân cháy nổ và biện pháp phòng, chống Các yếu tố gây ra cháy nổ trên tàu Các phương pháp chữa cháy Thiết bị chữa cháy trên tàu Tổ chức phòng, chữa cháy trên tàu Chữa các đám cháy đặc biệt Thực hành chữa cháy	10
3 3.1 3.2 3.3	Bài 3: An toàn sinh mạng Cứu sinh Cứu đắm Thực hành cứu sinh, cứu đắm	10
4 4.1 4.2 4.3 4.4	Bài 4. Sơ cứu Khái niệm chung và nguyên tắc cơ bản khi sơ cứu ban đầu Kỹ thuật sơ cứu Phương pháp cứu người đuối nước Thực hành	4

STT	Nội dung	Thời gian đào tạo (giờ)
5	Bài 5. Bảo vệ môi trường	4
5.1	Khái niệm cơ bản về môi trường	
5.2	Ảnh hưởng của giao thông vận tải đường thủy nội địa đến môi trường	
5.3	Các loại hàng hóa nguy hiểm - chú ý khi bảo quản, vận chuyển	
6	Bài 6: Huấn luyện kỹ thuật bơi, lặn	25
6.1	Tác dụng của việc bơi ếch và một số động tác kỹ thuật, phương pháp tập luyện	
6.2	Tác dụng của bơi trườn sấp, kỹ thuật, phương pháp tập luyện	
6.3	Cách xử lý khi bị chuột rút, sặc nước	
6.4	Khởi động trước khi bơi - Thực hành bơi	
Kiểm tra định kỳ, kiểm tra kết thúc mô đun		4
Tổng cộng		**60**

đ) Hướng dẫn thực hiện mô đun:

- Căn cứ vào giáo trình an toàn cơ bản và bảo vệ môi trường, các đầu sách tham khảo đưa ra nội dung các bài học lý thuyết;

- Tổ chức cho người học huấn luyện thực hành ngay trên các bãi tập của nhà trường, các bể bơi và trên các tàu huấn luyện.

2. Tên môn học: **PHÁP LUẬT VỀ GIAO THÔNG ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA**

a) Mã số: MH 02.

b) Thời gian: 15 giờ.

c) Mục tiêu: Cung cấp những kiến thức cơ bản của pháp luật về giao thông đường thủy nội địa để người học chấp hành đúng luật, góp phần đảm bảo an toàn giao thông đường thủy nội địa.

d) Nội dung:

STT	Nội dung	Thời gian đào tạo (giờ)
1 1.1 1.2	Chương I: Những quy định chung Giải thích từ ngữ Các hành vi bị cấm	1
2 2.1 2.2	Chương II: Quy tắc giao thông và tín hiệu của phương tiện Quy tắc giao thông Tín hiệu của phương tiện giao thông đường thủy nội địa	5
3 3.1 3.2	Chương III: Quy tắc báo hiệu đường thủy nội địa Những quy định của quy tắc báo hiệu đường thủy nội địa Các loại báo hiệu đường thủy nội địa Việt Nam	5
4 4.1 4.2	Chương IV: Trách nhiệm của thợ máy và thuyền viên tập sự Trách nhiệm của thợ máy Trách nhiệm của thuyền viên tập sự	2
5	Chương V: Giới thiệu các văn bản pháp luật về giao thông đường thủy nội địa và pháp luật hàng hải Việt Nam	1
Kiểm tra kết thúc môn học		1
Tổng cộng		**15**

đ) Hướng dẫn thực hiện môn học:

- Căn cứ vào các văn bản pháp luật về giao thông đường thủy nội địa và hàng hải Việt Nam đưa ra nội dung các bài học lý thuyết;

- Tổ chức cho người học thực hành, quan sát mô hình, các báo hiệu trên sa bàn.

3. Tên mô đun: **MÁY TÀU THỦY**

a) Mã số: MĐ 03.

b) Thời gian: 60 giờ.

c) Mục tiêu: Giúp người học có được những khái niệm cơ bản về động cơ đốt trong và động cơ, những kiến thức cần thiết về hệ thống động lực tàu thủy; biết sử dụng và vận hành động cơ tàu thủy.

d) Nội dung:

STT	Nội dung	Thời gian đào tạo (giờ)
1 1.1 1.2 1.3	Bài 1: Khái niệm cơ bản và nguyên lý chung Bài mở đầu Những khái niệm cơ bản về động cơ, động cơ nhiệt, động cơ đốt trong Sơ đồ cấu tạo và nguyên lý hoạt động của động cơ (diesel 4 kỳ, xăng 4 kỳ)	5
2 2.1 2.2 2.3 2.4 2.5 2.6	Bài 2: Cấu tạo và sửa chữa những chi tiết chính của động cơ An toàn trong sửa chữa, vận hành động cơ Dụng cụ đo kiểm, tháo lắp và sửa chữa động cơ Cấu tạo và sửa chữa khối xi lanh, nắp xi lanh Cấu tạo và sửa chữa ổ đỡ trục khuỷu, trục khuỷu Cấu tạo và sửa chữa piston, xéc măng Cấu tạo và sửa chữa thanh truyền	10
3 3.1 3.2 3.3 3.4 3.5	Bài 3: Hệ thống phân phối khí Sơ đồ cấu tạo, nguyên lý hoạt động của hệ thống phân phối khí Cấu tạo các chi tiết trong hệ thống Các phương pháp xác định điểm chết của động cơ Các phương pháp xác định thứ tự nổ động cơ Các phương pháp xác định khe hở nhiệt	5
4 4.1 4.2 4.3 4.4	Bài 4: Hệ thống cung cấp nhiên liệu Các bước chuẩn bị và vận thành hệ thống cung cấp nhiên liệu Các phương pháp lọc nhiên liệu Nhiệm vụ, yêu cầu của hệ thống cung cấp nhiên liệu Cấu tạo, nguyên lý hoạt động của hệ thống cung cấp nhiên liệu	10
4.5 4.6	Các chi tiết chính trong hệ thống cung cấp nhiên liệu Những hư hỏng thông thường và biện pháp khắc phục.	

STT	Nội dung	Thời gian đào tạo (giờ)
5	Bài 5: Hệ thống làm mát	10
5.1	Mục đích, yêu cầu của việc làm mát động cơ, các phương pháp làm mát động cơ	
5.2	Sơ đồ cấu tạo, nguyên lý hoạt động của hệ thống làm mát bằng nước kiểu trực tiếp, gián tiếp	
5.3	Chăm sóc, bảo dưỡng hệ thống	
5.4	Những hư hỏng thường gặp khi khai thác hệ thống và biện pháp khắc phục	
6	Bài 6: Hệ thống bôi trơn	10
6.1	Nhiệm vụ, yêu cầu của hệ thống bôi trơn	
6.2	Các phương pháp bôi trơn cho động cơ	
6.3	Hệ thống bôi trơn các te ướt, các te khô	
6.4	Các thiết bị chính trong hệ thống	
6.5	Vận hành, bảo dưỡng hệ thống	
6.6	Những hư hỏng thường gặp khi khai thác động cơ, nguyên nhân và biện pháp khắc phục	
7	Bài 7. Vận hành, chăm sóc và bảo quản động cơ	8
7.1	Quy trình vận hành động cơ	
7.2	Những hư hỏng thường gặp, nguyên nhân và biện pháp khắc phục	
7.3	Quy trình chăm sóc và bảo quản động cơ	
Kiểm tra kết thúc mô đun		2
Tổng cộng		**60**

đ) Hướng dẫn thực hiện mô đun:

- Căn cứ vào giáo trình máy tàu thủy và các tài liệu tham khảo đưa ra nội dung các bài học lý thuyết;

- Tổ chức cho người học thực hành, quan sát mô hình các loại máy tàu thủy ngay tại xưởng thực hành máy và các hệ thống máy trên tàu.

4. Tên mô đun: **THỰC HÀNH NGUỘI**

a) Mã số: MĐ 04.

b) Thời gian: 15 giờ.

c) Mục tiêu:

- Sử dụng thành thạo các loại dụng cụ gia công nguội cầm tay đúng chức năng phù hợp với công việc như: búa, đục, cưa, dũa, dao cạo, bàn ren, ta rô, cối tán đinh...;

- Rèn luyện đức tính cẩn thận, tỷ mỷ, chính xác và ý thức tuân thủ nội quy, quy tắc an toàn lao động, vệ sinh môi trường, tiết kiệm nguyên vật liệu, bảo dưỡng bảo quản thiết bị và dụng cụ cho người học.

d) Nội dung

STT	**Nội dung**	**Thời gian đào tạo (giờ)**
1	Bài 1. Nội quy thực tập xưởng nguội, quy tắc an toàn trong gia công nguội	14
2	Bài 2. Thiết bị, dụng cụ sử dụng trong nguội sửa chữa	
3	Bài 3. Lấy dấu và kỹ thuật vạch dấu	
4	Bài 4. Giũa kim loại	
5	Bài 5. Nắn, uốn, gấp kim loại	
Kiểm tra kết thúc mô đun		1
Tổng cộng		**15**

đ) Hướng dẫn thực hiện mô đun:

- Căn cứ vào giáo trình máy tàu thủy và các tài liệu tham khảo đưa ra nội dung các bài học lý thuyết;

- Tổ chức cho người học thực hành, quan sát các thiết bị, dụng cụ thực hành nguội tại xưởng thực hành.

5. Tên mô đun: **THỰC HÀNH HÀN**

a) Mã số: MĐ 05.

b) Thời gian: 15 giờ.

c) Mục tiêu:

- Trình bày được nguyên lý chung của quá trình hàn, cắt;

- Lập được quy trình hàn cắt kim loại, quy trình an toàn hàn, cắt kim loại. Sử dụng thiết bị và kỹ thuật hàn cắt thực hiện được việc hàn, cắt một số mối hàn, cắt thỏa mãn yêu cầu kỹ thuật;

- Tuân thủ nguyên tắc an toàn, phòng, chống cháy nổ và bảo vệ môi trường trong hàn, cắt;

- Rèn luyện đức tính cẩn thận, tỷ mỷ, chính xác và ý thức tuân thủ nguyên tắc an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp.

d) Nội dung:

STT	Nội dung	Thời gian đào tạo (giờ)
1	Bài 1. Nội quy và an toàn hàn, cắt	14
2	Bài 2. Hàn điện	
3	Bài 3. Hàn, cắt kim loại bằng khí	
Kiểm tra kết thúc mô đun		1
Tổng cộng		**15**

đ) Hướng dẫn thực hiện mô đun:

- Căn cứ vào giáo trình máy tàu thủy và các tài liệu tham khảo đưa ra nội dung các bài học lý thuyết;

- Tổ chức cho người học thực hành, quan sát các thiết bị, dụng cụ thực hành hàn tại xưởng thực hành.

6. Tên mô đun: **VẬN HÀNH, SỬA CHỮA ĐIỆN TÀU**

a) Mã số: MĐ 06.

b) Thời gian: 30 giờ.

c) Mục tiêu: Giúp người học biết cấu tạo, hoạt động của các thiết bị điện và mạch điện trên tàu thủy; vận hành được các mạch điện trên tàu thủy đúng quy trình kỹ thuật; xác định được nguyên nhân và biết khắc phục một số sự cố nhỏ của mạch điện.

d) Nội dung:

STT	Nội dung	Thời gian đào tạo (giờ)
1	Bài 1: Hệ thống kiến thức kỹ thuật điện	2
1.1	Quy ước các phần tử của mạch điện	
1.2	Một số hiện tượng điện từ cơ bản	
2	Bài 2: Điện tàu thủy	4
2.1	Ắc quy	
2.2	Máy điện tàu thủy	
3	Bài 3: Ắc quy	5
3.1	Cách đấu ắc quy để sử dụng	
3.2	Kiểm tra ắc quy	
4	Bài 4: Mạch điện khởi động	6
4.1	Cấu tạo	
4.2	Đấu mạch khởi động	
4.3	Công tác chuẩn bị và khởi động	
5	Bài 5: Mạch chiếu sáng	5
5.1	Sơ đồ mạch chiếu sáng	
5.2	Thực hành đấu mạch	
6	Bài 6: Mạch nạp ắc quy	6
6.1	Hướng dẫn ban đầu	
6.2	Thực hành đấu mạch	
6.3	Tìm hiểu thiết bị và lập sơ đồ	
6.4	Thực hành đấu mạch	
	Kiểm tra kết thúc mô đun	2
	Tổng cộng	**30**

đ) Hướng dẫn thực hiện mô đun:

- Căn cứ vào giáo trình điện tàu thủy, vận hành sửa chữa điện và các tài liệu tham khảo đưa ra nội dung các bài học lý thuyết;

- Tổ chức cho người học thực hành, quan sát mô hình, vật thật ngay tại xưởng thực hành điện và các hệ thống điện trên tàu.

7. Tên mô đun: **THỰC HÀNH VẬN HÀNH MÁY TÀU**

a) Mã số: MĐ 07.

b) Thời gian: 85 giờ.

c) Mục tiêu: Giúp người học vận hành thành thạo động cơ diesel tàu thủy, biết kiểm tra khắc phục một số hư hỏng thông thường trong quá trình vận hành động cơ.

d) Nội dung:

STT	**Nội dung**	**Thời gian đào tạo (giờ)**
1	Bài 1: Quy định chung khi làm việc dưới tàu đối với thuyền viên bộ phận máy	15
1.1	An toàn lao động	
1.2	Nội quy buồng máy	
1.3	Hồ sơ kỹ thuật	
1.4	Một số biên bản kỹ thuật	
2	Bài 2: Trang thiết bị buồng máy	15
2.1	Trang thiết bị an toàn lao động	
2.2	Các trang thiết bị cứu hỏa, cứu đắm	
2.3	Thiết bị ánh sáng	
3	Bài 3: Quy trình vận hành động cơ	30
3.1	Những công việc trước khi khởi động động cơ	
3.2	Phương pháp khởi động động cơ	
3.3	Những công việc trong khi vận hành	

STT	Nội dung	Thời gian đào tạo (giờ)
3.4	Những công việc trước và sau khi dừng động cơ	
4 4.1 4.2 4.3 4.4 4.5 4.6	Bài 4: Các hệ thống phục vụ động cơ Hệ thống phân phối khí Hệ thống cung cấp nhiên liệu Hệ thống nước làm mát Hệ thống bôi trơn Hệ thống khởi động và nạp điện Hệ thống đảo chiều	20
Kiểm tra định kỳ, kiểm tra kết thúc mô đun		5
Tổng cộng		**85**

đ) Hướng dẫn thực hiện mô đun:

- Căn cứ vào giáo trình máy tàu thủy và các tài liệu tham khảo đưa ra nội dung các bài học lý thuyết;

- Tổ chức cho người học thực hành, quan sát mô hình các loại máy tàu thủy ngay tại xưởng thực hành máy và các hệ thống máy trên tàu.

Phụ lục III[7]

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CẤP CHỨNG CHỈ LÁI PHƯƠNG TIỆN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2017/TT-BGTVT ngày 20 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CẤP CHỨNG CHỈ LÁI PHƯƠNG TIỆN

Tên nghề: **Điều khiển phương tiện thủy nội địa**
Số lượng môn học, mô đun đào tạo: 07
Chứng chỉ cấp sau tốt nghiệp: Chứng chỉ lái phương tiện

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1. Kiến thức

Có kiến thức về an toàn cơ bản và bảo vệ môi trường; hiểu pháp luật về giao thông đường thủy nội địa; hiểu nguyên lý điều khiển phương tiện thủy; thuộc các tuyến đường thủy nội địa ở khu vực (Bắc, Trung, Nam); hiểu các quy định về vận chuyển, bảo quản và xếp dỡ hàng hóa; hiểu các quy định về vận chuyển hành khách; có kiến thức cơ bản về bảo quản, bảo dưỡng sửa chữa phương tiện.

2. Kỹ năng

Làm thành thạo các nút dây, các mối dây và thực hiện tốt các thao tác làm dây trên phương tiện; sử dụng thành thạo các trang thiết bị cứu hỏa, cứu thủng, cứu sinh; các dụng cụ gõ gỉ, dụng cụ sơn trên phương tiện; thành thạo khi chèo xuồng, đo nước, đệm va; điều khiển được phương tiện nhỏ trong mọi trường hợp.

3. Thái độ, đạo đức nghề nghiệp

Có ý thức rèn luyện để nâng cao trình độ nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu phát triển của ngành đường thủy nội địa; yêu nghề, có ý thức cộng đồng và tác phong công nghiệp, có thói quen lao động nghề nghiệp, sống lành mạnh phù hợp với phong tục, tập quán và truyền thống văn hóa dân tộc.

II. THỜI GIAN VÀ PHÂN BỔ THỜI GIAN CỦA KHÓA HỌC

---

[7] Phụ lục này được thay thế theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 1 của Thông tư số 06/2020/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2017/TT-BGTVT ngày 20 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định nội dung, chương trình đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2020.

Thời gian của khóa học: 295 giờ, bao gồm:

1. Thời gian các hoạt động chung: không.

2. Thời gian học tập: 295 giờ, trong đó:

a) Thời gian thực học: 280 giờ.

b) Thời gian ôn, kiểm tra kết thúc khóa học: 15 giờ.

III. DANH MỤC MÔN HỌC (MH), MÔ ĐUN (MĐ) VÀ THỜI GIAN ĐÀO TẠO

Mã MH, MĐ	**Tên môn học, mô đun**	**Thời gian đào tạo (giờ)**
MĐ 01	An toàn cơ bản và bảo vệ môi trường	60
MĐ 02	Thủy nghiệp cơ bản	45
MĐ 03	Luồng chạy tàu thuyền	15
MH 04	Pháp luật về giao thông đường thủy nội địa	40
MĐ 05	Điều động phương tiện và thực hành điều động phương tiện	90
MH 06	Vận tải hàng hóa và hành khách	15
MĐ 07	Bảo dưỡng phương tiện	15
Tổng cộng		**280**

IV. KIỂM TRA KẾT THÚC KHÓA HỌC

1. Kiểm tra kết thúc môn học, mô đun:

Người học phải học đầy đủ nội dung theo yêu cầu chương trình các môn học, mô đun quy định. Nội dung, hình thức và điều kiện kiểm tra khi kết thúc môn học, mô đun do người đứng đầu cơ sở đào tạo quyết định. Kết quả kiểm tra được đánh giá theo một trong hai mức là đạt yêu cầu và không đạt yêu cầu.

2. Kiểm tra kết thúc khóa học:

STT	**Môn kiểm tra**	**Hình thức kiểm tra**
1	Lý thuyết tổng hợp	Trắc nghiệm
2	Điều động phương tiện	Thực hành

V. CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC, MÔ ĐUN

1. Tên mô đun: **AN TOÀN CƠ BẢN VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

a) Mã số: MĐ 01.

b) Thời gian: 60 giờ.

c) Mục tiêu: Giúp người học hiểu nội dung cơ bản các quy định về an toàn và bảo vệ môi trường nói chung và môi trường đường thủy nội địa; hiểu và thực hiện tốt các kỹ thuật an toàn khi làm việc trên phương tiện; làm được các công việc về ứng phó sự cố tràn dầu, ô nhiễm dầu, hóa chất, phòng chống cháy nổ, cứu sinh, cứu thủng; biết sơ cấp cứu người bị nạn, biết bơi thành thạo, biết xử lý các tình huống xảy ra khi bơi.

d) Nội dung:

STT	**Nội dung**	**Thời gian đào tạo (giờ)**
1 1.1 1.2	Bài 1: An toàn lao động Những quy định về an toàn lao động An toàn khi thực hiện các công việc trên phương tiện	3
2 2.1 2.2 2.3 2.4 2.5 2.6 2.7	Bài 2. Phòng, chống cháy nổ Nguyên nhân cháy nổ và biện pháp phòng, chống Các yếu tố gây ra cháy nổ trên phương tiện Các phương pháp chữa cháy Thiết bị chữa cháy trên phương tiện Tổ chức phòng, chữa cháy trên phương tiện Chữa các đám cháy đặc biệt Thực hành chữa cháy	10
3 3.1 3.3 3.4	Bài 3: An toàn sinh mạng Cứu sinh Cứu đắm Thực hành cứu sinh, cứu đắm	10

STT	Nội dung	Thời gian đào tạo (giờ)
4 4.1 4.2 4.3 4.4	Bài 4. Sơ cứu Khái niệm chung và nguyên tắc cơ bản khi sơ cứu Kỹ thuật sơ cứu Phương pháp cứu người đuối nước Thực hành sơ cứu	4
5 5.1 5.2 5.3	Bài 5. Bảo vệ môi trường Khái niệm cơ bản về môi trường Ảnh hưởng của giao thông vận tải đường thủy nội địa đến môi trường Các loại hàng hóa nguy hiểm - chú ý khi bảo quản, vận chuyển	4
6 6.1 6.2 6.3 6.4	Bài 6: Huấn luyện kỹ thuật bơi lặn Tác dụng của việc bơi ếch và một số động tác kỹ thuật, phương pháp tập luyện Tác dụng của bơi trườn sấp, kỹ thuật, phương pháp luyện tập Cách xử lý khi bị chuột rút, sặc nước Khởi động trước khi bơi- Thực hành bơi	25
Kiểm tra định kỳ, kiểm tra kết thúc mô đun		4
Tổng cộng		**60**

đ) Hướng dẫn thực hiện mô đun:

- Căn cứ vào giáo trình an toàn cơ bản và bảo vệ môi trường, các tài liệu tham khảo đưa ra nội dung các bài học lý thuyết;

- Tổ chức cho người học huấn luyện thực hành ngay trên các bãi tập của nhà trường, các bể bơi và trên các phương tiện huấn luyện.

2. Tên mô đun: **THỦY NGHIỆP CƠ BẢN**

a) Mã số: MĐ 02.

b) Thời gian: 45 giờ.

c) Mục tiêu: Trang bị cho người học kiến thức và kỹ năng cơ bản để thực hiện các công việc làm dây, sử dụng, bảo quản dây và thành thạo chèo xuồng.

d) Nội dung:

STT	Nội dung	Thời gian đào tạo (giờ)
1 1.1 1.2 1.3	Bài 1: Làm dây Phân loại, cấu tạo, sử dụng và bảo quản dây Các loại nút dây Thực hành cô dây sợi, dây cáp	20
2 2.1 2.2 2.3 2.5	Bài 2: Chèo xuồng Ý nghĩa của chèo xuồng Thành phần của chèo Các phương pháp chèo xuồng Thực hành chèo một mái, chèo đối xứng, chèo mũi lái	22
Kiểm tra định kỳ, kiểm tra kết thúc mô đun		3
Tổng cộng		**45**

đ) Hướng dẫn thực hiện mô đun:

- Căn cứ vào giáo trình thủy nghiệp cơ bản và các tài liệu tham khảo đưa ra nội dung các bài học lý thuyết;

- Tổ chức cho người học huấn luyện thực hành ngay tại phòng học thủy nghiệp cơ bản, trên các bãi tập của nhà trường và trên các phương tiện huấn luyện.

3. Tên mô đun: **LUỒNG CHẠY TÀU THUYỀN**

a) Mã số: MĐ 03.

b) Thời gian: 15 giờ.

c) Mục tiêu: Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về đặc điểm, tính chất chung của đường thủy nội địa Việt Nam, các thông tin, dữ liệu cần thiết về tuyến vận tải chính bằng đường thủy nội địa.

d) Nội dung:

STT	Nội dung	Thời gian đào tạo (giờ)
1 1.1 1.2 1.3	Chương I: Khái quát chung về sông, kênh ở Việt Nam Sông, kênh đối với vận tải đường thủy nội địa Tính chất chung Đặc điểm chung	2

STT	Nội dung	Thời gian đào tạo (giờ)
2 2.1 2.2 2.3	Chương II: Các hệ thống sông chính Sông, kênh miền Bắc Sông, kênh miền Trung Sông, kênh miền Nam	5
3	Chương III: Các tuyến vận tải đường thủy nội địa chính của miền Bắc (hoặc miền Nam)	7
Kiểm tra kết thúc mô đun		1
Tổng cộng		**15**

đ) Hướng dẫn thực hiện mô đun:

- Căn cứ vào giáo trình luồng chạy tàu thuyền, các bản đồ đường thủy nội địa miền Bắc, miền Trung, miền Nam và các tài liệu tham khảo đưa ra nội dung các bài học lý thuyết;

- Tổ chức cho người học thực hành, quan sát các tuyến luồng trên sa bàn, các tuyến luồng thực tế trên sơ đồ tuyến và trên các phương tiện huấn luyện.

4. Tên môn học: **PHÁP LUẬT VỀ GIAO THÔNG ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA**

a) Mã số: MH 04.

b) Thời gian: 40 giờ.

c) Mục tiêu: Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản của pháp luật về giao thông đường thủy nội địa để người học chấp hành đúng luật, góp phần đảm bảo trật tự, an toàn giao thông đường thủy nội địa.

d) Nội dung:

STT	Nội dung	Thời gian đào tạo (giờ)
1 1.1 1.2	Chương I: Những quy định chung Giải thích từ ngữ Các hành vi bị cấm	1

STT	Nội dung	Thời gian đào tạo (giờ)
2 2.1 2.2	Chương II: Quy tắc giao thông và tín hiệu của phương tiện Quy tắc giao thông Tín hiệu của phương tiện giao thông đường thủy nội địa	18
3 3.1 3.2	Chương III: Quy tắc báo hiệu đường thủy nội địa Những quy định của quy tắc báo hiệu đường thủy nội địa Các loại báo hiệu đường thủy nội địa Việt Nam	15
4	Chương IV: Trách nhiệm của người lái phương tiện	2
5	Chương V: Giới thiệu các văn bản pháp luật về giao thông đường thủy nội địa và pháp luật hàng hải Việt Nam	2
Kiểm tra định kỳ, kiểm tra kết thúc môn học		2
Tổng cộng		**40**

đ) Hướng dẫn thực hiện môn học:

- Căn cứ vào các văn bản pháp luật về giao thông đường thủy nội địa, pháp luật hàng hải Việt Nam đưa ra nội dung các bài học lý thuyết;

- Tổ chức cho người học thực hành, quan sát mô hình, các báo hiệu trên sa bàn.

5. Tên mô đun: **ĐIỀU ĐỘNG PHƯƠNG TIỆN VÀ THỰC HÀNH ĐIỀU ĐỘNG PHƯƠNG TIỆN**

a) Mã số: MĐ 05.

b) Thời gian: 90 giờ.

c) Mục tiêu: Cung cấp cho người học những kiến thức và kỹ năng điều động phương tiện tự hành; hiểu và sử dụng thành thạo các thiết bị liên quan đến điều động phương tiện; nguyên lý điều khiển phương tiện; các kỹ năng điều động phương tiện tự hành.

d) Nội dung:

STT	Nội dung	Thời gian đào tạo (giờ)
1	Bài 1: Nguyên lý cơ bản về điều động phương tiện thủy	10
1.1	Bánh lái	
1.2	Chân vịt	
1.3	Phối hợp chân vịt và bánh lái	
1.4	Phương tiện 2 chân vịt	
1.5	Quán tính của phương tiện thủy	
1.6	Vòng quay trở	
1.7	Những yếu tố ảnh hưởng đến điều động phương tiện	
2	Bài 2: Kỹ thuật điều động phương tiện nhỏ	5
2.1	Đặc điểm hoạt động của phương tiện nhỏ	
2.2	Điều động phương tiện nhỏ ra, vào bến	
2.3	Điều động phương tiện nhỏ đi đường	
3	Bài 3: Thực hành điều động	70
3.1	Điều động phương tiện có tay lái nghịch, hệ thống lái thuận ra, vào bến nước ngược, nước xuôi	
3.2	Điều động phương tiện có tay lái nghịch, hệ thống lái thuận đi thẳng nước ngược, ngược xuôi	
3.3	Điều động phương tiện có tay lái nghịch, hệ thống lái thuận chuyển hướng nước ngược, ngược xuôi	
3.4	Điều động phương tiện có tay lái nghịch, hệ thống lái thuận hành trình khi có ảnh hưởng của gió	
3.5	Điều động phương tiện có tay lái nghịch, hệ thống lái thuận quay trở	
3.6	Điều động phương tiện có tay lái nghịch, hệ thống lái thuận hành trình ngang sông	
Kiểm tra định kỳ, kiểm tra kết thúc mô đun		5
Tổng cộng		**90**

đ) Hướng dẫn thực hiện mô đun:

- Căn cứ vào giáo trình điều động phương tiện thủy và các tài liệu tham khảo về điều động phương tiện đưa ra nội dung các bài học lý thuyết;

- Tổ chức cho người học huấn luyện thực hành ngay tại phòng học mô phỏng và trên các phương tiện huấn luyện.

6. Tên môn học: **VẬN TẢI HÀNG HÓA VÀ HÀNH KHÁCH**

a) Mã số: MH 06.

b) Thời gian: 15 giờ.

c) Mục tiêu: Giúp người học được cung cấp các kiến thức cơ bản về vận chuyển, bảo quản, xếp dỡ, giao nhận hàng hóa; những quy định về vận tải hàng hóa và hành khách, nhằm bảo đảm vận tải an toàn và hiệu quả.

d) Nội dung:

STT	**Nội dung**	**Thời gian đào tạo (giờ)**
1	Chương I: Vị trí, vai trò và đặc điểm của ngành vận tải thủy nội địa	0,5
2 2.1 2.2 2.3	Chương II: Phân loại hàng hóa Phân theo tính chất Phân theo vị trí chất, xếp Phân theo hình thức bên ngoài	1,5
3 3.1 3.2 3.3 3.4 3.5 3.6 3.7 3.8	Chương III: Phương pháp bảo quản, xếp dỡ và vận chuyển một số loại hàng hóa Hàng lương thực Hàng muối Hàng đường Hàng phân hóa học Hàng xi măng Hàng than Hàng quặng Hàng xăng dầu	7

STT	Nội dung	Thời gian đào tạo (giờ)
4 4.1 4.2	Chương IV: Quy định về vận tải hàng hóa và hành khách đường thủy nội địa Quy định về vận tải hàng hóa Quy định về vận tải hành khách	5
	Kiểm tra kết thúc môn học	1
	Tổng cộng	**15**

đ) Hướng dẫn thực hiện môn học:

- Căn cứ vào giáo trình kinh tế vận tải, các quy định về vận tải đường thủy nội địa và các tài liệu tham khảo đưa ra nội dung các bài học lý thuyết;

- Tổ chức cho người học thực hành đo mớn nước, khai thác các bài toán về kinh tế vận tải trong một chuyến đi vòng tròn trên các phương tiện huấn luyện.

7. Tên mô đun: **BẢO DƯỠNG PHƯƠNG TIỆN**

a) Mã số: MĐ 07.

b) Thời gian: 15 giờ.

c) Mục tiêu: Giúp người học có kiến thức và kỹ năng cơ bản để thực hiện các công việc bảo quản, bảo dưỡng vỏ phương tiện.

d) Nội dung:

STT	Nội dung	Thời gian đào tạo (giờ)
1 1.1 1.2 1.3	Bài 1: Chế độ bảo dưỡng vỏ phương tiện Công tác bảo dưỡng hàng ngày Công tác bảo dưỡng hàng tháng Thực hành bảo dưỡng hàng ngày	4

STT	Nội dung	Thời gian đào tạo (giờ)
2	Bài 2: Phương pháp bảo quản vỏ phương tiện	10
2.1	Phân chia phương tiện để bảo quản	
2.2	Sơn và phương pháp sử dụng sơn	
2.3	Đặc điểm và cách sử dụng một số loại sơn	
2.4	Thực hành sơn phương tiện	
	Kiểm tra kết thúc mô đun	1
	Tổng cộng	**15**

đ) Hướng dẫn thực hiện mô đun:

- Căn cứ vào giáo trình thủy nghiệp cơ bản và các tài liệu tham khảo đưa ra nội dung các bài học lý thuyết;

- Tổ chức cho người học huấn luyện thực hành ngay tại phòng học thủy nghiệp cơ bản, trên các bãi tập của nhà trường và trên các phương tiện huấn luyện.

Phụ lục IV

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG CẤP GCNKNCM THUYỀN TRƯỞNG HẠNG TƯ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2017/TT-BGTVT ngày 20 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG CẤP GCNKNCM THUYỀN TRƯỞNG HẠNG TƯ

Tên nghề: Thuyền trưởng phương tiện thủy nội địa

Số lượng môn học, mô đun đào tạo: 04.

GCN cấp sau tốt nghiệp: GCNKNCM thuyền trưởng hạng tư

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1. Kiến thức

Hiểu các quy tắc giao thông và tín hiệu của phương tiện, thuộc các loại báo hiệu đường thủy nội địa Việt Nam; nắm được các quy định về hoạt động của phương tiện tại vùng nước cảng, bến thủy nội địa và trách nhiệm của thuyền trưởng, thuyền phó; hiểu được hệ thống lái, bánh lái, chân vịt và ảnh hưởng tới phương tiện thủy nội địa.

2. Kỹ năng

Áp dụng đúng các quy tắc giao thông và tín hiệu của phương tiện vào thực tế; hiểu được các đặc tính cơ bản của hàng hóa trong công tác vận chuyển, bảo quản, xếp dỡ, giao nhận hàng hóa; các quy định về vận tải hàng hóa và hành khách; nắm được các quy định an toàn khi làm việc trên tàu và thao tác thuần thục khi trên tàu có sự cố xảy ra nhằm đảm bảo an toàn cho người và phương tiện; áp dụng được những kỹ năng cơ bản về điều động tàu đi trên đường và xử lý một số tình huống có thể xảy ra.

3. Thái độ, đạo đức nghề nghiệp

Có ý thức rèn luyện để nâng cao trình độ nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu phát triển của ngành đường thủy nội địa; yêu nghề, có ý thức cộng đồng và tác phong công nghiệp, có thói quen lao động nghề nghiệp, sống lành mạnh phù hợp với phong tục, tập quán và truyền thống văn hóa dân tộc.

II. THỜI GIAN VÀ PHÂN BỔ THỜI GIAN CỦA KHÓA HỌC

Thời gian của khóa học: 47 giờ, bao gồm:

1. Thời gian các hoạt động chung: 05 giờ.

2. Thời gian học tập: 42 giờ, trong đó:

a) Thời gian thực học: 37 giờ.

b) Thời gian ôn, kiểm tra kết thúc khóa học: 05 giờ.

III. DANH MỤC MÔN HỌC, MÔ ĐUN VÀ THỜI GIAN ĐÀO TẠO

Mã MH, MĐ	**Tên môn học, mô đun**	**Thời gian đào tạo (giờ)**
MH 01	An toàn cơ bản và sơ cứu	4
MH 02	Pháp luật về giao thông đường thủy nội địa	9
MĐ 03	Điều động tàu và thực hành điều động tàu	15
MH 04	Nghiệp vụ thuyền trưởng	9
Tổng cộng		**37**

IV. THI KẾT THÚC KHÓA HỌC

1. Kiểm tra kết thúc môn học, mô đun:

Người học phải học đầy đủ nội dung theo yêu cầu chương trình các môn học, mô đun quy định. Nội dung, hình thức và điều kiện kiểm tra khi kết thúc môn học, mô đun do người đứng đầu cơ sở đào tạo quyết định. Kết quả kiểm tra được đánh giá theo một trong hai mức là đạt yêu cầu và không đạt yêu cầu.

2. Thi kết thúc khóa học:

STT	**Môn thi**	**Hình thức thi**
1	Lý thuyết tổng hợp	Trắc nghiệm
2	Điều động tàu	Thực hành

V. CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO

1. Tên môn học: **AN TOÀN CƠ BẢN VÀ SƠ CỨU**

a) Mã số: MH 01.

b) Thời gian: 04 giờ.

c) Mục tiêu: Giúp người học có khả năng nắm được các quy định an toàn khi làm việc trên tàu và thao tác thuần thục khi trên tàu có sự cố xảy ra nhằm đảm bảo an toàn cho người và phương tiện.

d) Nội dung:

STT	**Nội dung**	**Thời gian đào tạo (giờ)**
1 1.1 1.2 1.3	Chương I: Một số quy định bảo hộ lao động ở Việt Nam Trách nhiệm của người sử dụng lao động của các doanh nghiệp Trách nhiệm của người lao động Quy định an toàn lao động trong ngành giao thông đường thủy nội địa	0,5
2 2.1 2.2 2.3 2.4	Chương II: An toàn làm việc trên tàu An toàn lao động khi lên, xuống tàu An toàn lao động khi làm dây An toàn lao động khi trục tời neo An toàn lao động khi đệm va	1
3 3.1 3.2 3.3	Chương III: Phòng chống cháy nổ, cứu sinh, cứu thủng Phòng chống cháy nổ Phương pháp cứu sinh Phương pháp cứu thủng	1
4	Thực hành an toàn cơ bản và sơ cứu	0,5
Kiểm tra kết thúc môn học		1
Tổng cộng		**4**

đ) Hướng dẫn thực hiện chương trình môn học:

- Căn cứ vào giáo trình an toàn cơ bản và bảo vệ môi trường, sơ cứu và các tài liệu tham khảo đưa ra nội dung các bài học lý thuyết;

- Tổ chức cho người học huấn luyện thực hành ngay trên các bãi tập của nhà trường, phòng y tế và trên các tàu huấn luyện.

2. Tên môn học: **PHÁP LUẬT VỀ GIAO THÔNG ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA**

a) Mã số: MH 02.

b) Thời gian: 09 giờ.

c) Mục tiêu: Giúp người học có khả năng hiểu các quy tắc giao thông và tín hiệu của phương tiện; thuộc các loại báo hiệu đường thủy nội địa Việt Nam; nắm được trách nhiệm của thuyền trưởng, thuyền phó; biết các quy định về hoạt động của phương tiện tại vùng nước cảng, bến thủy nội địa.

d) Nội dung:

STT	**Nội dung**	**Thời gian đào tạo (giờ)**
1 1.1 1.2	Chương I: Quy tắc giao thông và tín hiệu của phương tiện Quy tắc giao thông Tín hiệu của phương tiện giao thông đường thủy nội địa	3
2 2.1 2.2 2.3	Chương II: Quy tắc báo hiệu đường thủy nội địa Việt Nam Quy định chung Những quy định của quy tắc báo hiệu đường thủy nội địa Việt Nam Các loại báo hiệu đường thủy nội địa Việt Nam	3
3 3.1 3.2 3.3	Chương III: Trách nhiệm của thuyền trưởng, thuyền phó Trách nhiệm của thuyền trưởng Trách nhiệm của thuyền phó 1 Trách nhiệm của thuyền phó 2	1

STT	Nội dung	Thời gian đào tạo (giờ)
4	Chương IV: Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa	1
4.1	Vi phạm quy định về phương tiện thủy nội địa	
4.2	Vi phạm quy định về thuyền viên, người lái phương tiện	
4.3	Vi phạm quy tắc giao thông và tín hiệu của phương tiện	
Kiểm tra kết thúc môn học		1
Tổng cộng		**9**

đ) Hướng dẫn thực hiện chương trình môn học:

- Căn cứ vào các văn bản pháp luật về giao thông đường thủy nội địa đưa ra nội dung các bài học lý thuyết;

- Tổ chức cho người học thực hành, quan sát mô hình, các báo hiệu trên sa bàn.

3. Tên mô đun: **ĐIỀU ĐỘNG TÀU VÀ THỰC HÀNH ĐIỀU ĐỘNG TÀU**

a) Mã số: MĐ 03.

b) Thời gian: 15 giờ.

c) Mục tiêu: Giúp người học có khả năng hiểu được hệ thống lái, bánh lái, chân vịt và ảnh hưởng của nó tới phương tiện thủy nội địa và những kỹ năng cơ bản về điều động tàu đi trên đường và xử lý một số tình huống có thể xảy ra.

d) Nội dung:

STT	Nội dung	Thời gian đào tạo (giờ)
1	Bài 1: Nguyên lý điều động tàu thủy	2
1.1	Bánh lái	
1.2	Chân vịt	

STT	Nội dung	Thời gian đào tạo (giờ)
1.3 1.4 1.5	Quán tính tàu thủy Vòng quay trở Các yếu tố ảnh hưởng đến điều động tàu	
2 2.1 2.2 2.3 2.4 2.5 2.6 2.7 2.8	Bài 2: Kỹ thuật cơ bản về điều động tàu Các dây buộc tàu Điều động tàu rời, cập bến Điều động tàu đi trên đoạn sông thẳng, sông cong Điều động tàu tránh, vượt nhau Điều động tàu quay trở khi đang đi nước xuôi, nước ngược Điều động tàu vớt người ngã xuống nước khi đang đi nước xuôi, nước ngược Điều động tàu khi tàu bị thủng Điều động tàu thả, thu neo	12
Kiểm tra kết thúc mô đun		1
Tổng cộng		**15**

đ) Hướng dẫn thực hiện mô đun:

- Căn cứ vào giáo trình điều động tàu thủy và các tài liệu tham khảo về điều động tàu đưa ra nội dung các bài học lý thuyết;

- Tổ chức cho người học huấn luyện thực hành ngay tại phòng học mô phỏng và trên các tàu huấn luyện.

4. Tên môn học: **NGHIỆP VỤ THUYỀN TRƯỞNG**

a) Mã số: MH 04.

b) Thời gian: 09 giờ.

c) Mục tiêu: Giúp người học có khả năng nắm được phương pháp quản lý tài sản và sổ sách của tàu, quản lý thuyền viên và giấy tờ, tài liệu pháp lý của tàu, cách ghi nhật ký tàu; lập được kế hoạch chuyến đi và phân công nhiệm vụ trên tàu; ghi chép cẩn thận các sổ sách, giấy tờ cũng như nhật ký của tàu.

d) Nội dung:

STT	Nội dung	Thời gian đào tạo (giờ)
1	**Nhận bàn giao nhiệm vụ dưới tàu và làm quen tàu**	2
1.1	Các hạng mục công việc bàn giao	
1.2	Thực hiện công việc bàn giao giữa hai thuyền trưởng	
1.3	Làm quen với các thành viên trên tàu	
1.4	Lối đi lại, lối thoát hiểm	
1.5	Buồng lái, buồng máy	
1.6	Vị trí lắp đặt trang thiết bị cứu sinh	
1.7	Nội quy và chế độ sinh hoạt của tàu	
2	**Quản lý thuyền viên và giấy tờ, tài liệu pháp lý của tàu**	1
2.1	Tổ chức sinh hoạt và phân công nhiệm vụ	
2.2	Quản lý danh sách thuyền viên vắng mặt trên tàu	
2.3	Theo dõi tình trạng sức khỏe của thuyền viên	
2.4	Yêu cầu bắt buộc đối với các giấy tờ pháp lý của tàu	
2.5	Theo dõi thời hạn bằng cấp	
3	**Quản lý tài sản và sổ sách của tàu**	1
3.1	Tài sản chung của tàu	
3.2	Tài sản của tàu phát cho cá nhân sử dụng	
3.3	Thực hiện kiểm kê tài sản	
3.4	Quản lý, ghi chép các loại nhật ký trên tàu	
3.5	Làm báo cáo định kỳ công tác quản lý tài sản trên tàu	

STT	Nội dung	Thời gian đào tạo (giờ)
4	**Phương pháp ghi nhật ký tàu**	
4.1	Giới thiệu nhật ký tàu	1
4.2	Phương pháp ghi nhật ký tàu	
5	**Lập kế hoạch chuyến đi và phân công nhiệm vụ trên tàu**	
5.1	Lập kế hoạch chuyến đi	
5.2	Lập phương án và kế hoạch	
5.3	Lên kế hoạch kiểm tra	2
5.4	Chọn tuyến đường	
5.5	Thu thập thông tin về tuyến đường	
5.6	Tổ chức họp và phân công nhiệm vụ	
6	Công tác cảng vụ	1
Kiểm tra kết thúc môn học		1
Tổng cộng		**09**

đ) Hướng dẫn thực hiện chương trình môn học:

- Căn cứ vào các văn bản pháp luật về giao thông đường thủy nội địa đưa ra nội dung các bài học lý thuyết;

- Tổ chức cho người học thực hành thao tác nghiệp vụ thuyền trưởng ngay tại phòng học và trên các tàu huấn luyện.

(Xem tiếp Công báo số 1029 + 1030)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ:	Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:	
- Nội dung:	080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành:	080.48543
Email:	congbao@chinhphu.vn
Website:	http://congbao.chinhphu.vn
In tại:	Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng